



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO  
TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẦN

\*\*\*\*\*

**BẢNG TÍNH ĐỊNH LƯỢNG KHẨU PHẦN ĂN**

Ngày 26 tháng 11 năm 2024

\* Tổng số suất ăn: 340

- 3 tuổi: 64

- Cháo:

Trong đó: + Mẫu giáo: 302

- 4 tuổi: 124

+ Nhà trẻ: 38 - Cơm nát:

- 5 tuổi: 114

- Cơm thường: 38

STT	TÊN THỰC PHẨM	Số lượng (kg)		Quy đổi (kg)		Chất dinh dưỡng (g)										Calo	
		MG	NT	MG	NT	P				L				G		MG	NT
						ĐV		TV		ĐV		TV		MG	NT		
						MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT				
1	Sữa bột toàn phần	4,44	0,56	4,44	0,56	1.198,8	151,2			1.154,4	145,6			1.687,2	212,8	21.933,6	2.766,4
2	Gạo tẻ máy	22,00	1,90	22,00	1,90			1.738,0	150,1			220,0	19,0	16.698,0	1.442,1	75.680,0	6.536,0
3	Trứng gà ta	15,00	1,10	12,90	0,95	1.909,2	140,0			1.496,4	109,7			64,5	4,7	21.414,0	1.570,4
4	Thịt lợn mỡ	3,30	0,20	3,23	0,20	614,5	37,2			1.206,3	73,1					12.742,0	772,2
5	Tôm nót	0,85	0,15	0,77	0,14	140,8	24,8			13,8	2,4					688,5	121,5
6	Nấm hương khô	0,09	0,01	0,08	0,01			29,2	3,2			3,2	0,4	19,0	2,1	221,9	24,7
7	Mộc nhĩ	0,36	0,04	0,32	0,04			34,3	3,8			0,6	0,1	210,6	23,4	985,0	109,4
8	Rau mùng tơi	7,40	0,60	6,14	0,50			122,8	10,0					86,0	7,0	859,9	69,7
9	Mướp	1,50	0,20	1,22	0,16			11,0	1,5			2,4	0,3	34,1	4,5	207,1	27,6
10	Cua đồng	2,05	0,15	0,64	0,05	78,2	5,7			21,0	1,5			12,7	0,9	552,9	40,5
11	Rau mùi	0,09	0,01	0,08	0,01			2,0	0,2			0,4	0,0	0,2	0,0	12,2	1,4
12	Hành lá (hành hoa)	0,18	0,02	0,14	0,02			1,9	0,2					6,2	0,7	31,7	3,5
13	Dầu đậu tương	1,35	0,25	1,35	0,25							1.350,0	250,0			12.150,0	2.250,0
14	Bột canh	0,74	0,08	0,74	0,08												
15	Nước mắm cá	0,18	0,02	0,18	0,02	9,2	1,0			0,0	0,0			6,5	0,7	63,0	7,0
16	Hành củ tươi	0,09	0,01	0,07	0,01			0,9	0,1			0,3	0,0	3,0	0,3	17,8	2,0
17	Quả thanh long	15,20	1,90	15,20	1,90			197,6	24,7					1.322,4	165,3	6.080,0	760,0
18	Gạo tẻ máy	5,30		5,30				418,7				53,0		4.022,7		18.232,0	
19	Gạo nếp cái	0,30		0,30				25,8				4,5		223,5		1.032,0	
20	Đậu xanh (hạt)	0,60		0,59				137,6				14,1		312,2		1.928,6	
21	Chim bồ câu	2,50		1,20		243,6				157,2						2.388,0	
22	Thịt lợn mỡ	2,60		2,55		484,1				950,4						10.039,1	
23	Bí ngô	2,00		1,63				4,9				1,6		99,7		441,2	
24	Bánh đa		1,70		1,70				120,7				39,1		843,2		3.332,0
25	Tôm nót		0,40		0,36		66,2				6,5						324,0
26	Thịt lợn mỡ		1,10		1,08		204,8				402,1						4.247,3
<b>Cộng</b>						<b>4.678,3</b>	<b>631,1</b>	<b>2.724,7</b>	<b>314,5</b>	<b>4.999,4</b>	<b>741,0</b>	<b>1.650,2</b>	<b>308,9</b>	<b>24.808,5</b>	<b>2.707,9</b>	<b>187.700,4</b>	<b>22.965,6</b>
<b>Bình quân thực tế /1 trẻ</b>						<b>15,5</b>	<b>16,6</b>	<b>9,0</b>	<b>8,3</b>	<b>16,6</b>	<b>19,5</b>	<b>5,5</b>	<b>8,1</b>	<b>82,1</b>	<b>71,3</b>	<b>621,5</b>	<b>604,4</b>
<b>Thấp: MG:P:13%,L:25%,G:52%;NT: P:13%,L:30%,G:</b>						<b>11,7</b>	<b>11,4</b>	<b>7,8</b>	<b>7,6</b>	<b>11,6</b>	<b>13,6</b>	<b>5,0</b>	<b>5,8</b>	<b>78,0</b>	<b>68,8</b>	<b>615,0</b>	<b>600,0</b>
<b>Cao: MG:P:20%,L:35%,G:60%;NT: P:20%,L:40%,G:5</b>						<b>21,3</b>	<b>19,1</b>	<b>14,2</b>	<b>12,7</b>	<b>19,1</b>	<b>19,6</b>	<b>8,2</b>	<b>8,4</b>	<b>106,2</b>	<b>79,4</b>	<b>726,0</b>	<b>651,0</b>

**Quyết toán trong ngày**

- Tiêu chuẩn được chi: 7.820.000 đ  
- Hôm trước mang sang: 1.665 đ  
- Đã chi: 7.821.642 đ  
- Thừa:  
- Thiếu: 1.642 đ  
- Lũy kế: 23 đ

**Thực đơn**

\* **Bữa sáng:** - Cơm, trứng gà tôm thịt hấp mộc  
- Canh mồng tơi mướp nấu cua/ Thanh  
\* **Bữa chiều:** - MG: Cháo chim bồ câu đỗ xanh  
- NT: Bánh đa tôm thịt  
\* **Ăn giữa giờ:** - Sữa bột Shuzi